

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **86/2022/DS-PT**

Ngày 04/5/2022

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hải**

- Các thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Loan**

Bà **Phan Thị Tuyết Mai**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*  
 Ông **Trần Thanh Vũ** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/5/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2022/TLPT-DS ngày 31/12/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 86/2021/DSST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐPT – DS ngày 03/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông **Võ Văn N.**, sinh năm 1961 (có mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị T.**, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực P., phường T., quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc Đăng T1.**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu vực P., phường T., quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Công ty luật trách nhiệm hữu hạn N.B.. Địa chỉ: 53/1/28 Trần K.D, phường T.Đ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2021). Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Trọng H.**, sinh năm 1971. (có mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc Đăng T1..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Võ Văn N., bà Nguyễn Thị T. trình bày:* Vào ngày 20/3/2020, vợ chồng ông bà có cho bà Nguyễn Ngọc Đăng T1. vay số tiền 250.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng, thời hạn vay không xác định cụ thể nhưng ước tính khoảng 07 ngày, lãi suất là 500.000 đồng/ngày/250.000.000 đồng và khi nào thanh toán nợ gốc thì trả lãi. Việc thỏa thuận vay tiền trên có lập biên nhận nợ ngày 20/03/2020 và toàn bộ biên nhận nợ do bà T1 viết và ký tên. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền vay 250.000.000 đồng thì bà T1 không thanh toán theo đúng thỏa thuận dù ông bà đã nhiều lần tạo điều kiện cho bà T1 có thời gian thanh toán nhưng bà T1 vẫn không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Đối với đoạn file ghi âm phía bị đơn cung cấp, ông N. không thừa nhận người nói chuyện trong đoạn file ghi âm là ông.

Nay nguyên đơn ông N., bà T. yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Đăng T1. phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và chỉ tính lãi là 0,8%/tháng tính từ ngày vay (ngày 20/3/2020) đến xét xử (ngày 03/11/2021), tính tròn là 19 tháng, cụ thể:  $2.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 19 \text{ tháng} = 38.000.000 \text{ đồng}$ .

*\* Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Đăng T1. trình bày:*

Bà thừa nhận vào ngày 20/3/2020 bà có vay của vợ chồng ông N., bà T. số tiền 250.000.000 đồng, với thỏa thuận lãi là 1.000.000 đồng ngày/250.000.000 đồng, vay không kỳ hạn nhưng đến khoảng tháng 10/2020 bà đã thanh toán xong số tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn vào thời điểm thanh toán cuối cùng.

Đối với tờ giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp đúng là do bà viết và ký tên nhưng người cho vay trong tờ biên nhận không phải là ông Võ Văn N., còn người nào là “Bác tư” trong tờ biên nhận trên thì bà không biết. Tuy nhiên, sau đó bà cho rằng giấy nhận nợ trên không phải do bà viết, ký tên nhưng bà không có yêu cầu giám định đối với tờ biên nhận trên. Do đã thanh toán số tiền vay đã xong nên bà không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Do các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại bản án số 86/2021/DSST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Ngọc Đăng T1. có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Võ Văn N., bà Nguyễn Thị T. số tiền gồm: nợ gốc 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng). Tổng

cộng số tiền bà T1 phải thanh toán cho ông N., bà T. là 288.000.000đ (Hai trăm tám mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên tiền lãi giai đoạn thi hành án, tiền án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã tuyên xử ngày 16/11/2021 bà Nguyễn Ngọc Đăng T1. đã kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt tuyên xử.

Phía đại diện bị đơn ông Nguyễn Trọng H. cho rằng lời nói trong file ghi âm là giọng nói của nguyên đơn (ông N.). Ông N. đã nói 250.000.000 đồng đã giải quyết xong rồi nên bà T1 không còn nợ. Đại diện bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy án sơ thẩm vì có sai sót trong tố tụng là chưa xem xét đầy đủ chứng cứ đã nêu trên do ông N. đã thừa nhận.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhận thấy chứng cứ là USB ghi âm do bị đơn cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, không thể chứng minh giọng nói của ông N. thừa nhận bà T1 trả tiền. Đĩa ghi âm không thể hiện hết nội dung của việc vay tiền vì trong file ghi âm không có giọng nói của bà T1 mà giọng của bà Trang (chị của bà T1). Tuy nhiên, tờ biên nhận mượn tiền thì nội dung thể hiện cụ thể. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bác kháng cáo của bị đơn. Bản án sơ thẩm tuyên là có cơ sở đề nghị giữ nguyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay và nợ hui nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn: Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định. Việc ủy quyền của bị đơn là hợp lệ đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất vào ngày 20/3/2020, bà Nguyễn Ngọc Đăng T1. có vay của vợ chồng ông Võ Văn N., bà Nguyễn Thị T. số tiền 250.000.000 đồng, hợp đồng vay không kỳ hạn. Tuy nhiên về lãi suất vay thì nguyên đơn cho rằng thỏa thuận vay với lãi suất 500.000đồng/ngày/250.000.000 đồng và sau khi vay thì bà T1 chưa trả cho ông bà bất cứ khoản tiền nào; còn bị đơn cho rằng lãi suất vay 1.000.000 đồng/ngày/250.000.000 đồng và bà T1 đã thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, lãi cho ông N., bà T. vào khoảng tháng 10/2020.

Xét tại tờ nhận nợ ngày 20/3/2020 (bút lục 07) do nguyên đơn cung cấp có nội dung “Tôi tên Nguyễn Ngọc Đăng T1.. Vào ngày 20/3/2020 – Tôi có mượn bác tư số tiền 250.000.000 đồng”, không ghi thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất vay.

Xét về hình thức thì thể hiện bà T1 có vay của ông N. số tiền 250.000.000 đồng. Qua đối chiếu thì Bác tư chính là ông N.. Tuy tờ biên nhận có thiếu sót về tên, địa chỉ của người vay và người cho vay nhưng bà T1 thừa nhận là do bà viết và ký tên (tại Biên bản hòa giải ngày 07/5/2021, Bút lục 57) và không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết và bà T1 còn tự mình viết trong biên bản hòa giải nội dung “Tôi có mượn của ông Võ Văn N. nhưng đến thời điểm này tôi đã thanh toán rồi. Biên nhận không phải do tôi viết – Bác tư trong giấy không phải là ông Võ Văn N.”; từ lời trình bày của bà T1 cho thấy sự không phù hợp vì trường hợp bà cho rằng tờ nhận nợ do chính bà viết nhưng bà lại không biết “Bác tư” là ai, còn trường hợp bà cho rằng biên nhận nợ không phải do bà viết nhưng bà lại xác định được “Bác tư” trong giấy không phải là ông Võ Văn N.. Ngoài ra, phía bị đơn cũng không có gì chứng minh đối với các vấn đề không thống nhất với nguyên đơn về lãi suất vay và đã thanh toán nợ xong cho nguyên đơn, cũng như nguyên đơn không có chứng cứ, chứng minh việc thỏa thuận lãi suất vay như nguyên đơn trình bày. Trường hợp nếu bị đơn trả xong nợ thì sẽ xé bỏ biên nhận nợ hoặc bị đơn không vay tiền thì sẽ không viết biên nhận nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn cung cấp những giấy nợ do bị đơn đã vay tiền trước đây đều ghi giấy nợ là “Bác tư” và khi trả xong bị đơn đã gạch ngang những tờ giấy nợ này. Do đó, tờ biên nhận 250.000.000 đồng chưa được gạch ngang nên nguyên đơn còn giữ và bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ. Án sơ thẩm tuyên là có cơ sở nên giữ nguyên là phù hợp.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm có nghe qua file ghi âm do bị đơn cung cấp. Tuy nhiên, nội dung ghi âm không chứng minh giọng nói trong file ghi âm

là của ông N., không thể hiện nội dung số tiền 250.000.000 đồng là ai vay của ai, ghi âm nhằm mục đích gì nên Hội đồng xét xử không chấp nhận file ghi âm làm chứng cứ để phản bác yêu cầu của bị đơn theo quy định tại Điều 91 và 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà T1 thừa nhận chữ viết và số tiền vay của nguyên đơn nên bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn vốn gốc và lãi vay. Bản án dân sự sơ thẩm tuyên là có cơ sở nên giữ nguyên.

[5] Về tiền lãi suất: Căn cứ vào Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Võ Văn N., bà Nguyễn Thị T. yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Đăng T1. có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông bà số tiền vay vốn gốc là 250.000.000 đồng và yêu cầu lãi suất là 0,8%/tháng, tính từ ngày vay là ngày 20/3/2020 đến ngày xét xử (ngày 03/11/2021), làm tròn là 19 tháng với số tiền là 38.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Án sơ thẩm tuyên là đúng quy định pháp luật về lãi vay nên giữ nguyên khoản lãi này.

[6] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào:
- Các Điều khoản 1, Điều 308, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

\* **Tuyên án**: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc Đăng T1.. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Ngọc Đăng T1. có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Võ Văn N., bà Nguyễn Thị T. số tiền gồm: nợ gốc 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng). Tổng cộng số tiền bà T1 phải thanh toán cho ông N., bà T. là 288.000.000đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Đăng T1. phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.400.000đồng (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ông Võ Văn N., bà Nguyễn Thị T. được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.125.000đ (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 002723 ngày 22/3/2021.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn chịu. Chuyển tiền tạm ứng án phí dân sự theo biên lai thu số 0004122 ngày 24/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ thành tiền án phí phúc thẩm. Bà T1 đã nộp xong.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Thốt Nốt;
- THADS Q.Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Văn Hải**